

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2022
“V/v ly hôn và yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liêm

Ông Danh Út Nhỏ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, về việc “*Xin ly hôn và yêu cầu nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Thu H, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Danh Th, sinh năm 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Thu H trình bày:

Vào năm 2003, sau thời gian tự tìm hiểu chị H đã kết hôn cùng với anh Danh Th. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An vào ngày 26/05/2003. Sau khi cưới, vợ chồng sống bên gia đình anh Th.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th thường xuyên đánh vợ, từ đó hay cãi nhau xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng đã tự ly thân từ tháng 04/2021, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Sau thời gian ly thân, chị H xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên chị H xin được ly hôn với anh Th.

Quá trình chung sống chị H anh Th xác định có 02 con chung là cháu Thị L – sinh ngày 08/6/2004; cháu Thị D – sinh ngày 04/11/2008. Hiện nay cháu L đã trưởng thành trên 18 tuổi, cháu D đang sống chung với chị H từ khi ly thân. Khi ly hôn chị H xin tiếp tục nuôi cháu D không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Danh Th trình bày: Anh Th hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, thời gian ly thân, anh Th cũng thừa nhận có đánh chị H. Tuy nhiên mâu

thuần vợ chồng là không có gì lớn do chị H đi làm xa nên vợ chồng thường hay cãi nhau, nên anh không đồng ý ly hôn

Về con chung: Không đồng ý giao cháu Thị D cho chị H nuôi dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh Th có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, chị Thị Thu H yêu cầu xin ly hôn với anh Danh Th và xin nuôi con. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ “*Ly hôn và yêu cầu nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Thu H và anh Danh Th chung sống với nhau từ năm 2003, việc chung sống trên cơ sở là hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và được hai bên gia đình đồng ý, thực hiện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Định An huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 26/5/2003, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Thị Thu H xin được ly hôn với anh Danh Th với lý do anh Thanh thường xuyên đánh vợ, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra bất hòa, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, nay chị H kiên quyết xin ly hôn với anh Th, trong quá trình giải quyết vụ án anh Th không đồng ý ly hôn với chị H, xét thấy chị H không còn yêu thương, quan tâm đến anh Th nữa, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài từ năm tháng 4/2021 đến nay, mỗi người hiện nay đã có cuộc sống riêng, qua xác nhận của chính quyền địa phương anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Như vậy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, sự mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 xử cho chị Thị Thu H được ly hôn với anh Danh Th là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Thị Thu H và anh Danh Th xác định chị và anh có hai người con chung là cháu Thị L – sinh ngày 08/6/2004; cháu Thị D – sinh ngày 04/11/2008. Khi ly hôn chị H xin được nuôi cháu Thị D không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Thị L đã trên 18 tuổi nên không có yêu cầu gì.

Xét yêu cầu nuôi con của chị H HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Thị D do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện nay cháu D vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, mặc khác cháu D có nguyện vọng xin được chung sống với chị H. Do đó để bảo đảm sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử tôn trọng theo nguyện vọng của cháu D theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX giao cháu Thị D cho chị Thị Thu H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Chị Thị Thu H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Thu H và anh Danh Th xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000đ buộc chị Thị Thu H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Thị Thu H về việc xin ly hôn với anh Danh Th.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Thị Thu H ly hôn với anh Danh Th.

2. Về con chung: Giao cháu Thị D – sinh ngày 04/11/2008 cho chị Thị Thu H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Danh Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Thu H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008960, ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Định An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh